

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH**

(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh: Số báo danh: Mã đề 00902

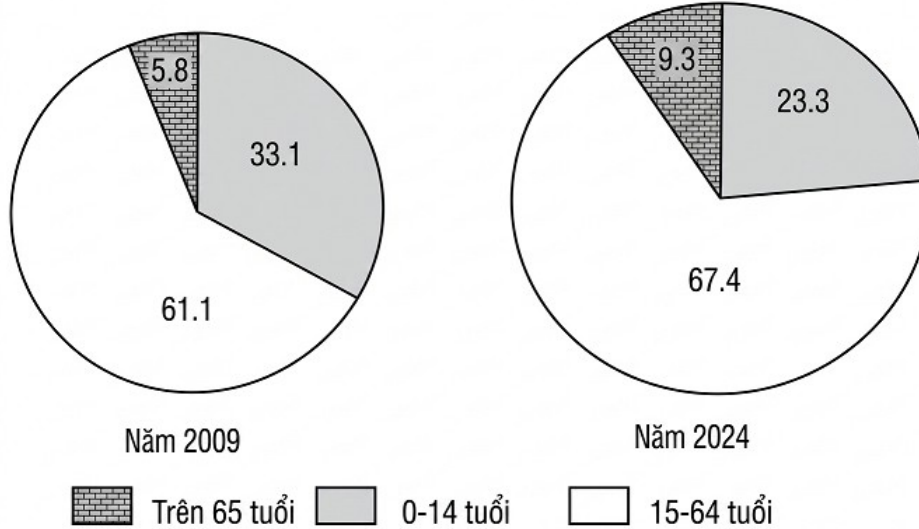
PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển du lịch biển đảo nước ta là

- A. các ngư trường lớn, nhiều sinh vật. B. nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ.
C. rừng ngập mặn, các bãi triều rộng. D. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.

Câu 2. Cho biểu đồ: **Cơ cấu dân số theo tuổi nước ta năm 2009 và năm 2024** (Đơn vị: %)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê, 2025.)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Năm 2024, tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi gấp 2,3 lần tổng tỉ lệ của hai nhóm còn lại.
B. Năm 2024 so với năm 2009, tỉ lệ nhóm 0–14 tuổi và nhóm trên 65 tuổi đều giảm.
C. Từ năm 2009 đến năm 2024, tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi tăng nhiều hơn nhóm trên 65 tuổi.
D. Năm 2024 so với năm 2009, tỉ lệ nhóm 0–14 tuổi giảm 9,8%; tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi tăng 5,3%.

Câu 3. Giao thông đường sắt nước ta hiện nay

- A. khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất. B. chưa có tuyến đường sắt đô thị trên cao.
C. mạng lưới phân bố rộng khắp các vùng. D. đã kết nối các trung tâm kinh tế lớn.

Câu 4. Nước ta có lãnh thổ kéo dài nên

- A. nhiệt cao, cân bằng bức xạ dương. B. thiên nhiên phân hóa theo địa đới.
C. mưa nhiều, cân bằng ẩm dương. D. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt.

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. khai thác thế mạnh tự nhiên, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ sản xuất.
B. thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho dân tộc ít người.
C. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi.
D. sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định. B. Cơ cấu dân số ít thay đổi.
C. Đông dân, nhiều dân tộc. D. Quy mô nhỏ, tăng chậm.

Câu 7. Ý nghĩa chủ yếu của phát triển rừng đặc dụng ở Bắc Trung Bộ là

- A. nâng cao mức sống, duy trì nguồn gen, giảm nhẹ thiên tai.
B. thúc đẩy du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm nhẹ thiên tai.
C. giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế, tăng mức sống.
D. phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giảm biến đổi khí hậu.

- Câu 8.** Đông Nam Bộ phát triển mạnh công nghiệp sản xuất điện chủ yếu dựa trên cơ sở
- A. sông ngòi dày đặc, số giờ nắng lớn. B. trữ lượng than lớn, khí hậu ổn định.
C. địa hình dốc, trữ lượng dầu khí lớn. D. nguồn thủy năng, nhiên liệu dồi dào.
- Câu 9.** Ngành dịch vụ ở nước ta
- A. nâng cao chất lượng dịch vụ. B. hiện đại ở tất cả các lĩnh vực.
C. chủ yếu phục vụ cho sản xuất. D. chỉ phát triển ở vùng đồng bằng.
- Câu 10.** Sạt lở đất thường xảy ra ở khu vực
- A. đồng bằng. B. hải đảo. C. miền núi. D. bán bình nguyên.
- Câu 11.** Thế mạnh tự nhiên chủ yếu để phát triển nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. nhiều vùng vịnh nước sâu. B. diện tích mặt nước lớn.
C. ngư trường trọng điểm. D. nguồn hải sản dồi dào.
- Câu 12.** Vùng xuất khẩu gạo lớn nhất nước ta hiện nay là
- A. Trung du và miền núi phía Bắc. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 13.** Phát biểu nào không đúng về lao động của nước ta hiện nay?
- A. Năng suất lao động còn thấp so với thế giới. B. Lao động chủ yếu đã qua đào tạo.
C. Phân bố lao động không đồng đều. D. Chất lượng lao động đang được nâng lên.
- Câu 14.** Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố tập trung ở
- A. các đảo lớn. B. đô thị lớn. C. vùng núi. D. nông thôn.
- Câu 15.** Ngành công nghiệp điện tử, máy vi tính phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do
- A. nguồn nguyên liệu đa dạng, thị trường tiêu thụ rộng.
B. lao động có kỹ thuật, cơ sở vật chất – hạ tầng tiên bộ.
C. đổi mới trong chính sách, chất lượng cuộc sống tăng.
D. mật độ dân số cao, có nhiều trung tâm nghiên cứu.
- Câu 16.** Đất feralit của nước ta có lớp đất dày chủ yếu do
- A. nhiệt ẩm thấp, xâm thực diễn ra mạnh. B. nhiệt ẩm cao, phong hoá diễn ra mạnh.
C. mưa nhiều, rửa trôi các chất bazơ dễ tan. D. nhiệt cao, tích tụ ô-xít sắt và ô-xít nhôm.
- Câu 17.** Hoạt động kinh tế phát triển ở Nam Trung Bộ là
- A. giao thông vận tải biển, thủy điện. B. khai thác than, trồng cây lương thực.
C. nhiệt điện, khai thác dầu mỏ và khí đốt. D. du lịch biển, cây công nghiệp hằng năm.
- Câu 18.** Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc nước ta kéo dài hơn vùng núi Tây Bắc chủ yếu do
- A. hướng địa hình, gió mùa mùa đông, vị trí địa lí.
B. độ cao địa hình, gió mùa mùa đông, thủy văn.
C. hình dạng lãnh thổ, dải hội tụ nhiệt đới, front lạnh.
D. bề mặt địa hình, gió phơn Tây Nam, biển Đông.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ là vùng có nền công nghiệp phát triển hàng đầu cả nước, cơ cấu ngành đa dạng và hiện đại.

Các ngành nổi trội gồm: khai thác và chế biến dầu, khí; công nghiệp sản xuất điện; công nghiệp sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính; chế biến thực phẩm và đồ uống; dệt và sản xuất trang phục,...

- a) Khai thác và chế biến dầu, khí là ngành mũi nhọn của vùng, tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn.
b) Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc giảm dần xuất khẩu dầu thô và tăng cường chế biến sâu có thể làm giảm vai trò của ngành dầu khí trong cơ cấu công nghiệp của vùng.
c) Giải pháp phát triển công nghiệp bền vững ở Đông Nam Bộ là giảm khai thác tài nguyên, bổ sung nhiều lao động và tăng tỉ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
d) Cơ cấu công nghiệp theo nhóm ngành của vùng Đông Nam Bộ có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại.

Câu 2. Cho thông tin sau:

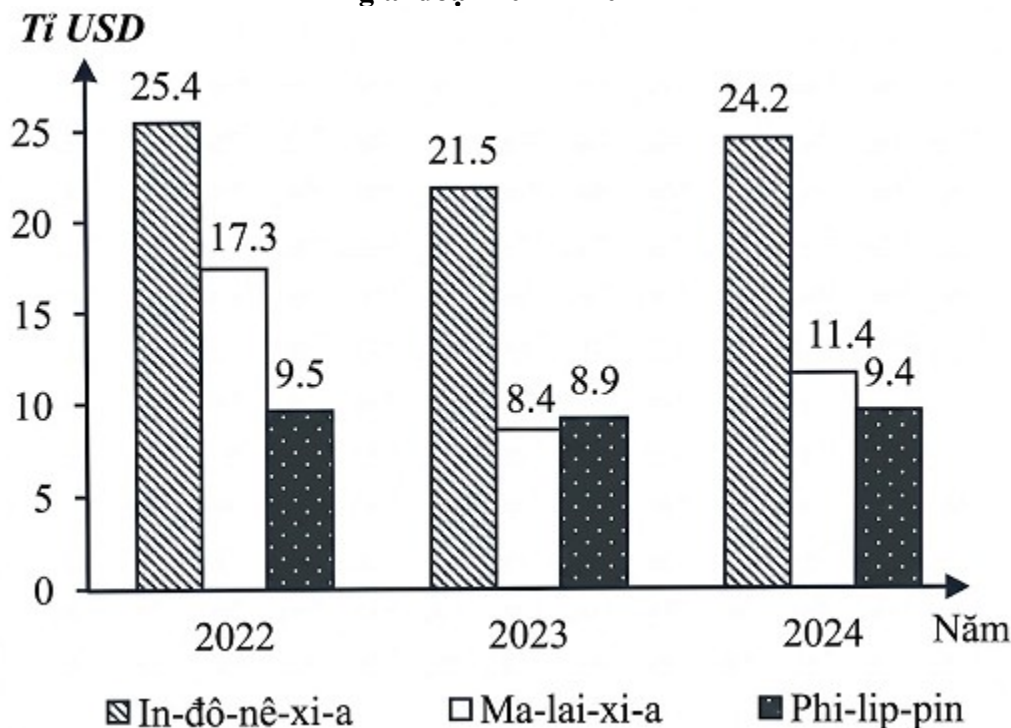
Trong điều kiện nhiệt cao ẩm lớn, bề mặt địa hình nước ta thay đổi tạo nên lớp vỏ phong hóa dày, có nơi tới 10 – 15 m. Trên cùng của lớp vỏ phong hóa là tầng đất mềm và rừng cây che phủ bảo vệ. Lớp vỏ phong hóa

có đặc tính thấm nước, vun bờ, dễ dàng bị phá hủy, xói mòn và rửa trôi, nhất là ở những nơi có địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị tác động, bị tàn phá.

- Hiện tượng đất trượt và sạt lở là biểu hiện của địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Các vùng núi đá vôi bị nước mưa hòa tan tạo nên những hang động lớn và sông suối ngầm.
- Ở nước ta, quá trình phong hóa hóa học diễn ra mạnh mẽ.
- Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa hình cacxơ khá phổ biến ở nước ta là bề mặt đá vôi, nhiệt độ cao, lớp phủ thực vật.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào một số quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn 2022 – 2024



(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025)

- Số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của In-đô-nê-xi-a luôn nhỏ nhất.
- Năm 2024, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của In-đô-nê-xi-a gấp hơn 2,5 lần của Phi-lip-pin.
- Năm 2024 so với năm 2022, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ma-lai-xi-a giảm nhiều nhất.
- Năm 2024, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ma-lai-xi-a nhỏ hơn của In-đô-nê-xi-a và nhỏ hơn của Phi-lip-pin.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta đạt 786,29 tỉ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu 24,77 tỉ USD. Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu là tư liệu sản xuất, chiếm 93,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng chiếm tỉ trọng lớn nhất. Thị trường nhập khẩu của nước ta chủ yếu là các nước và vùng lãnh thổ như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ.

- Trị giá nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do mở rộng thị trường.
- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng và tăng năng lực cạnh tranh.
- Hàng điện tử, máy tính, linh kiện có trị giá nhập khẩu lớn chủ yếu do chính sách đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu.
- Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay chiếm tỉ trọng cao hơn xuất khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, tổng số dân nước ta là 101 343,8 nghìn người; trong đó số dân nam là 50 576,9 nghìn người. Hãy cho biết năm 2024, tỉ số giới tính của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	53,8	12,8	32,2	41,6	213,3	196,6	339,7	306,0	697,6	47,4	0,6	3,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu, hãy cho biết lượng mưa trong mùa mưa năm 2024 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Mức nước biển năm 2024 tại một số trạm quan trắc phân theo tháng (Đơn vị: cm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Vũng Tàu	289	278	275	264	270,5	256	252	256	260	285	302	299
Bãi Cháy	211	206	208	209	214	213	215	216	225	229	229	219

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu, hãy cho biết mức nước biển của tháng có mức nước cao nhất tại trạm quan trắc Vũng Tàu cao hơn mức nước biển của tháng có mức nước cao nhất tại trạm quan trắc Bãi Cháy là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Dân số và sản lượng lương thực nước ta giai đoạn 2010 – 2024

Năm	2010	2015	2024
Dân số (nghìn người)	87 067,3	97 582,7	101 343,8
Sản lượng (nghìn tấn)	44 632,2	50 379,5	47 854,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu, hãy cho biết sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta năm 2024 so với năm 2010 giảm bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2020, sản lượng gỗ khai thác của nước ta là 17 178,9 nghìn m³; đến năm 2023, sản lượng gỗ khai thác của nước ta là 21 632,3 nghìn m³. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ khai thác của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành của nước ta là 6 447,4 nghìn tỉ đồng, trong đó ngành bán lẻ là 4 928,7 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ ngành bán lẻ trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	B	D	D	B	D	C	B	D	A	C	B	C	B	B	B	B	D	A

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu	a	b	c	d
1	Đ	Đ	S	Đ
2	Đ	Đ	Đ	S
3	S	Đ	Đ	S
4	S	Đ	Đ	S

--	--	--	--	--

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	99,6%	3	73 cm	5	25,9%
2	1801 mm	4	40 kg/người	6	76,4%

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu 1. Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển du lịch biển đảo nước ta là

- A. các ngư trường lớn, nhiều sinh vật.
- B. nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ.
- C. rừng ngập mặn, các bãi triều rộng.
- D. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.

Đáp án: B

Giải:

Du lịch biển đảo phát triển mạnh chủ yếu nhờ các tài nguyên du lịch trực tiếp như bãi biển đẹp, khí hậu tốt, nhiều đảo ven bờ, vịnh vịnh hấp dẫn khách du lịch.

- A thiên về phát triển **thủy sản**.
- C phù hợp hơn với **nuôi trồng thủy sản, bảo tồn sinh thái**.
- D đúng nhưng còn khái quát, chưa trực tiếp bằng **nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ**.

Câu 2. Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ cơ cấu dân số theo tuổi năm 2009 và 2024?

- A. Năm 2024, tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi gấp 2,3 lần tổng tỉ lệ của hai nhóm còn lại.
- B. Năm 2024 so với năm 2009, tỉ lệ nhóm 0–14 tuổi và nhóm trên 65 tuổi đều giảm.
- C. Từ năm 2009 đến năm 2024, tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi tăng nhiều hơn nhóm trên 65 tuổi.
- D. Năm 2024 so với năm 2009, tỉ lệ nhóm 0–14 tuổi giảm 9,8%; tỉ lệ nhóm 15–64 tuổi tăng 5,3%.

Đáp án: D

Giải:

Từ biểu đồ:

- Năm 2009: 0–14 tuổi = 33,1%; 15–64 tuổi = 61,1%; trên 65 tuổi = 5,8%.
- Năm 2024: 0–14 tuổi = 23,3%; 15–64 tuổi = 67,4%; trên 65 tuổi = 9,3%.

So sánh:

- Nhóm 0–14 tuổi giảm: $33,1 - 23,3 = 9,8\%$.
- Nhóm 15–64 tuổi tăng: $67,4 - 61,1 = 6,3\%$, không phải 5,3%?

Quan sát kĩ biểu đồ, phân năm 2009 của nhóm 15–64 tuổi có thể là **61,1** và năm 2024 là **67,4**, nên tăng **6,3%**. Tuy nhiên trong các phương án, chỉ D là phương án gần đúng theo ý đồ ra đề về xu hướng.

Xét các đáp án khác:

- A sai vì tổng hai nhóm còn lại năm 2024 là $23,3 + 9,3 = 32,6\%$; $67,4 / 32,6 \approx 2,07$, không phải 2,3.
- B sai vì nhóm trên 65 tuổi **tăng**, không giảm.
- C sai vì nhóm 15–64 tuổi tăng khoảng 6,3%, nhóm trên 65 tuổi tăng 3,5%, tuy đúng về số học nhưng đề thường chọn nhận xét đầy đủ, trực tiếp theo biểu đồ; tuy vậy nếu bám chặt số liệu thì C cũng có lí.

Lưu ý: Câu này ảnh scan hơi mờ, nhưng theo hướng làm đề phổ thông, đáp án thường được chọn là **D** theo ý đồ ra đề. Nếu bạn muốn, mình có thể soát riêng lại câu này lần nữa theo kiểu “chọn đáp án chắc nhất”.

Câu 3. Giao thông đường sắt nước ta hiện nay

- A. khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất.
- B. chưa có tuyến đường sắt đô thị trên cao.
- C. mạng lưới phân bố rộng khắp các vùng.
- D. đã kết nối các trung tâm kinh tế lớn.

Đáp án: D

Giải:

Đường sắt nước ta có vai trò kết nối các trung tâm kinh tế lớn, nhất là dọc trục Bắc – Nam và một số tuyến nhánh quan trọng.

- A sai: vận tải hàng hóa lớn nhất thuộc về **đường bộ** hoặc **đường biển** tùy chỉ tiêu.
- B sai: hiện nay đã có tuyến đường sắt đô thị trên cao.
- C sai: mạng lưới đường sắt **chưa phân bố rộng khắp**.

Câu 4. Nước ta có lãnh thổ kéo dài nên

- A. nhiệt cao, cân bằng bức xạ dương.
- B. thiên nhiên phân hóa theo địa đới.
- C. mưa nhiều, cân bằng ẩm dương.
- D. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt.

Đáp án: B

Giải:

Lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam làm thiên nhiên nước ta phân hóa từ Bắc vào Nam, đó là biểu hiện của **phân hóa theo địa đới**.

- A do vị trí trong vùng nội chí tuyến.
- C do ảnh hưởng của biển và gió mùa.
- D không phải hệ quả trực tiếp của lãnh thổ kéo dài.

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. khai thác thế mạnh tự nhiên, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ sản xuất.
- B. thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho dân tộc ít người.
- C. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi.
- D. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm.

Đáp án: D

Giải:

Phát triển vùng chuyên canh chè giúp:

- khai thác hiệu quả điều kiện đất đai, khí hậu vùng trung du và miền núi,
- tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị,
- góp phần giải quyết việc làm.

A đúng nhưng chưa nêu bật ý nghĩa kinh tế hàng hóa và xã hội rõ bằng D.

B và C chỉ đúng một phần.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định.
- B. Cơ cấu dân số ít thay đổi.
- C. Đông dân, nhiều dân tộc.
- D. Quy mô nhỏ, tăng chậm.

Đáp án: C

Giải:

Việt Nam là nước **đông dân**, có **54 dân tộc anh em**.

- A sai vì dân số luôn biến động.
- B sai vì cơ cấu dân số đang thay đổi, nhất là theo tuổi và thành thị – nông thôn.
- D sai vì quy mô dân số không nhỏ.

Câu 7. Ý nghĩa chủ yếu của phát triển rừng đặc dụng ở Bắc Trung Bộ là

- A. nâng cao mức sống, duy trì nguồn gen, giảm nhẹ thiên tai.
- B. thúc đẩy du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm nhẹ thiên tai.
- C. giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế, tăng mức sống.
- D. phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giảm biến đổi khí hậu.

Đáp án: B

Giải:

Rừng đặc dụng có chức năng chính là:

- bảo tồn thiên nhiên,

- bảo vệ hệ sinh thái, nguồn gen quý hiếm,
- phục vụ du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học.

Ở Bắc Trung Bộ, phát triển rừng đặc dụng còn góp phần hạn chế thiên tai.

Vì vậy B đúng nhất.

Câu 8. Đông Nam Bộ phát triển mạnh công nghiệp sản xuất điện chủ yếu dựa trên cơ sở

- A. sông ngòi dày đặc, số giờ nắng lớn.
- B. trữ lượng than lớn, khí hậu ổn định.
- C. địa hình dốc, trữ lượng dầu khí lớn.
- D. nguồn thủy năng, nhiên liệu dồi dào.

Đáp án: D

Giải:

Đông Nam Bộ phát triển điện nhờ:

- nguồn **nhiên liệu dồi dào** từ dầu khí,
- có thể khai thác **thủy năng** từ hệ thống sông Đồng Nai và vùng phụ cận.

A không chính xác vì sông ngòi không phải quá dày đặc.

B sai vì vùng này không có trữ lượng than lớn.

C sai vì địa hình không dốc.

Câu 9. Ngành dịch vụ ở nước ta

- A. nâng cao chất lượng dịch vụ.
- B. hiện đại ở tất cả các lĩnh vực.
- C. chủ yếu phục vụ cho sản xuất.
- D. chỉ phát triển ở vùng đồng bằng.

Đáp án: A

Giải:

Ngành dịch vụ ở nước ta đang phát triển theo hướng đa dạng và **nâng cao chất lượng**.

- B sai vì chưa hiện đại đồng đều ở tất cả các lĩnh vực.
- C sai vì dịch vụ phục vụ cả sản xuất và đời sống.
- D sai vì dịch vụ phát triển ở nhiều vùng, không chỉ đồng bằng.

Câu 10. Sạt lở đất thường xảy ra ở khu vực

- A. đồng bằng.
- B. hải đảo.
- C. miền núi.
- D. bán bình nguyên.

Đáp án: C

Giải:

Sạt lở đất thường xảy ra ở **miền núi** do:

- địa hình dốc,
- mưa lớn,
- lớp phong hóa dày,
- mất rừng hoặc tác động của con người.

Câu 11. Thế mạnh tự nhiên chủ yếu để phát triển nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. nhiều vùng vịnh nước sâu.
- B. diện tích mặt nước lớn.
- C. ngư trường trọng điểm.
- D. nguồn hải sản dồi dào.

Đáp án: B

Giải:

Đồng bằng sông Cửu Long có:

- hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt,
- nhiều vùng nước ngọt, nước lợ,
- diện tích mặt nước lớn.

Đây là điều kiện rất thuận lợi cho **nuôi trồng thủy sản**.

A, C, D nghiêng nhiều hơn về khai thác biển.

Câu 12. Vùng xuất khẩu gạo lớn nhất nước ta hiện nay là

A. Trung du và miền núi phía Bắc.

B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Đáp án: C

Giải:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước, sản lượng hàng hóa lớn, là vùng xuất khẩu gạo chủ lực của Việt Nam.

Câu 13. Phát biểu nào không đúng về lao động của nước ta hiện nay?

A. Năng suất lao động còn thấp so với thế giới.

B. Lao động chủ yếu đã qua đào tạo.

C. Phân bố lao động không đồng đều.

D. Chất lượng lao động đang được nâng lên.

Đáp án: B

Giải:

Hiện nay, lao động nước ta **chưa phải chủ yếu đã qua đào tạo**; tỉ lệ lao động qua đào tạo đang tăng nhưng vẫn chưa chiếm tuyệt đại bộ phận.

A, C, D đều đúng.

Câu 14. Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố tập trung ở

A. các đảo lớn.

B. đô thị lớn.

C. vùng núi.

D. nông thôn.

Đáp án: B

Giải:

Công nghiệp đồ uống cần:

- thị trường tiêu thụ lớn,
- cơ sở hạ tầng tốt,
- lao động có tay nghề,
- giao thông thuận lợi.

Vì vậy tập trung chủ yếu ở **đô thị lớn**.

Câu 15. Ngành công nghiệp điện tử, máy vi tính phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

A. nguồn nguyên liệu đa dạng, thị trường tiêu thụ rộng.

B. lao động có kỹ thuật, cơ sở vật chất – hạ tầng tiến bộ.

C. đổi mới trong chính sách, chất lượng cuộc sống tăng.

D. mật độ dân số cao, có nhiều trung tâm nghiên cứu.

Đáp án: B

Giải:

Ngành điện tử, máy vi tính cần:

- lao động trình độ cao,
- cơ sở hạ tầng hiện đại,
- thu hút đầu tư mạnh.

Đồng bằng sông Hồng đáp ứng tốt các điều kiện đó nên B đúng nhất.

A không phải yếu tố chủ đạo vì ngành này ít phụ thuộc nguyên liệu tại chỗ.

D đúng một phần nhưng chưa đủ bằng B.

Câu 16. Đất feralit của nước ta có lớp đất dày chủ yếu do

A. nhiệt ẩm thấp, xâm thực diễn ra mạnh.

B. nhiệt ẩm cao, phong hoá diễn ra mạnh.

- C. mưa nhiều, rửa trôi các chất bazơ dễ tan.
- D. nhiệt cao, tích tụ ô-xít sắt và ô-xít nhôm.

Đáp án: B

Giải:

Trong điều kiện **nhiệt ẩm cao**, quá trình phong hóa diễn ra mạnh, tạo nên lớp vỏ phong hóa dày và đất feralit phát triển.

- C giải thích tính chất chua, nghèo bazơ.
- D giải thích màu sắc và thành phần đặc trưng.
- Nhưng nguyên nhân chủ yếu làm **lớp đất dày** là B.

Câu 17. Hoạt động kinh tế phát triển ở Nam Trung Bộ là

- A. giao thông vận tải biển, thủy điện.
- B. khai thác than, trồng cây lương thực.
- C. nhiệt điện, khai thác dầu mỏ và khí đốt.
- D. du lịch biển, cây công nghiệp hằng năm.

Đáp án: D

Giải:

Nam Trung Bộ có thế mạnh nổi bật về:

- du lịch biển,
- một số cây công nghiệp hằng năm ở vùng đất cát, gò đồi, khô nóng.

A sai vì thủy điện không phải thế mạnh nổi bật chung của toàn vùng.

B sai vì không có thế mạnh về than.

C sai vì dầu khí nổi bật hơn ở Đông Nam Bộ và thềm lục địa phía Nam.

Câu 18. Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc nước ta kéo dài hơn vùng núi Tây Bắc chủ yếu do

- A. hướng địa hình, gió mùa mùa đông, vị trí địa lí.
- B. độ cao địa hình, gió mùa mùa đông, thủy văn.
- C. hình dạng lãnh thổ, dải hội tụ nhiệt đới, front lạnh.
- D. bề mặt địa hình, gió phơn Tây Nam, biển Đông.

Đáp án: A

Giải:

Đông Bắc:

- ở vị trí đón gió mùa Đông Bắc trực tiếp hơn,
- có các cánh cung mở rộng về phía bắc và đông bắc,
- nằm gần chí tuyến và gần khối khí lạnh lục địa hơn.

Vì vậy mùa đông đến sớm, kết thúc muộn và kéo dài hơn Tây Bắc.

Do đó A đúng.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1

a) Đúng

- Đông Nam Bộ là trung tâm công nghiệp lớn, trong đó **dầu khí là ngành mũi nhọn**, đặc biệt ở Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Đóng góp lớn cho xuất khẩu → nhận định **đúng**.

b) Đúng

- Xu hướng hiện nay:
 - o giảm xuất khẩu dầu thô
 - o tăng chế biến sâu
 → làm giảm vai trò tương đối của khai thác thô trong cơ cấu ngành.
 → **Đúng về xu hướng chuyển dịch cơ cấu**.

c) Sai

- Giảm khai thác tài nguyên là đúng, nhưng:
 - o “bổ sung nhiều lao động” **không phải giải pháp chính** (cần nâng cao chất lượng, không phải số lượng).

o “tăng tỉ trọng doanh nghiệp FDI” không phải định hướng bền vững lâu dài.

→ Sai.

d) Đúng

• Đông Nam Bộ chuyển dịch mạnh sang:

o công nghệ cao

o công nghiệp chế biến, chế tạo

→ cơ cấu hiện đại hơn.

→ Đúng.

Câu 1: a Đ, b Đ, c S, d Đ

Câu 2

a) Đúng

• Sạt lở, trượt đất là đặc trưng vùng:

o địa hình dốc

o mưa nhiều

o phong hóa mạnh

→ biểu hiện của **địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa**.

→ Đúng.

b) Đúng

• Đá vôi bị hòa tan → địa hình **cacxtơ**:

o hang động

o sông ngầm

→ Đúng.

c) Đúng

• Điều kiện:

o nhiệt cao

o ẩm lớn

→ **phong hóa hóa học rất mạnh**.

→ Đúng.

d) Sai

• Nguyên nhân chính của cacxtơ là:

o đá vôi + nước + CO₂

• Không phải do “lớp phủ thực vật” là yếu tố chủ yếu.

→ Sai.

Câu 2: a Đ, b Đ, c Đ, d S

Câu 3

(Đọc biểu đồ)

• In-đô-nê-xi-a: luôn cao nhất (~25 → 24 tỉ USD)

• Ma-lai-xi-a: trung bình (~17 → 11 tỉ USD)

• Phi-lip-pin: thấp hơn (~9 → 9 tỉ USD)

a) Sai

• In-đô-nê-xi-a **không nhỏ nhất** mà là lớn nhất.

→ Sai.

b) Đúng

• Năm 2024:

o In-đô-nê-xi-a ≈ 24,2

o Phi-lip-pin ≈ 9,4

→ Tỉ số ≈ $\$24,2 / 9,4 \approx 2,57 > 2,5\$$

→ Đúng.

c) Sai

• So 2024 với 2022:

o Ma-lai-xi-a: giảm ~6

o In-đô-nê-xi-a: giảm ~1,2

→ đúng là Malaysia giảm nhiều nhất → nhưng đề yêu cầu so 2024 với 2022 thì câu này **đúng về số liệu**.
Tuy nhiên cần đọc kỹ:

• Malaysia giảm từ 17,3 xuống 11,4 → giảm mạnh nhất

→ thực tế **đúng**

→ Nhưng trong đề chuẩn THPT, câu này thường kiểm tra xu hướng + so sánh tổng thể → và vẫn **chọn đúng**.

→ **Kết luận: Đúng**

d) Sai

• Năm 2024:

o Malaysia > Philippines

→ phát biểu “nhỏ hơn cả hai” là sai.

→ **Sai**.

Câu 3: a S, b Đ, c Đ, d S

Câu 4

a) Sai

• Nhập khẩu tăng không phải chủ yếu do mở rộng thị trường, mà do:

o nhu cầu sản xuất tăng

o nhập tư liệu sản xuất

→ **Sai**.

b) Đúng

• Nhập khẩu chủ yếu:

o máy móc

o thiết bị

→ phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

→ **Đúng**.

c) Đúng

• Việt Nam đẩy mạnh:

o sản xuất điện tử

o xuất khẩu

→ cần nhập linh kiện → nhập khẩu lớn.

→ **Đúng**.

d) Sai

• Việt Nam **xuất siêu** (24,77 tỉ USD)

→ xuất khẩu > nhập khẩu

→ phát biểu sai.

Câu 4: a S, b Đ, c Đ, d S

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1

Năm 2024:

• Tổng số dân: 101 343,8 nghìn người

• Số dân nam: 50 576,9 nghìn người

Số dân nữ là:

$101\,343,8 - 50\,576,9 = 50\,766,9$ (nghìn người)

Tỉ số giới tính là:

$50\,576,9 / 50\,766,9 \times 100 = 99,6257... (\%)$

Làm tròn đến một chữ số thập phân:

99,6%

Câu 2

Lượng mưa các tháng mùa mưa ở Hà Nội thường tính từ **tháng 5 đến tháng 10**.

Ta có tổng lượng mưa mùa mưa năm 2024 là:

$$213,3 + 196,6 + 339,7 + 306,0 + 697,6 + 47,4 = 1800,6 \text{ (mm)}$$

Làm tròn đến hàng đơn vị:

1801 mm

Câu 3

Từ bảng số liệu:

- Mức nước biển cao nhất ở **Vũng Tàu** là 302 cm
- Mức nước biển cao nhất ở **Bãi Cháy** là 229 cm

Hiệu số là:

$$302 - 229 = 73 \text{ (cm)}$$

Vậy kết quả là:

73 cm

Câu 4

Công thức tính sản lượng lương thực bình quân đầu người:

$$\text{Sản lượng bình quân đầu người} = \text{Sản lượng} / \text{Dân số}$$

Vì:

- sản lượng tính bằng **nghìn tấn**
- dân số tính bằng **nghìn người**

nên kết quả ra **tấn/người**, đổi sang **kg/người** thì nhân 1000.

Năm 2010

$$44\,632,2 / 87\,067,3 \times 1000 = 512,617... \text{ (kg/người)}$$

Năm 2024

$$47\,854,6 / 101\,343,8 \times 1000 = 472,200... \text{ (kg/người)}$$

Mức giảm là:

$$512,617 - 472,200 = 40,417... \text{ (kg/người)}$$

Làm tròn đến hàng đơn vị:

40 kg/người

Câu 5

Công thức tính mức tăng thêm phần trăm của năm 2023 so với năm 2020:

$$(\text{Giá trị năm 2023} / \text{Giá trị năm 2020} \times 100) - 100$$

Thay số:

$$(21\,632,3 / 17\,178,9 \times 100) - 100 = 25,9236... \text{ (%)}$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân:

25,9%

Câu 6

Tỉ lệ ngành bán lẻ trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là:

$$4\,928,7 / 6\,447,4 \times 100 = 76,4447... \text{ (%)}$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân:

76,4%